

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 336/2025/DS-ST
Ngày 07-5-2025
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Nguyễn Thanh Thùy.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Hồng Lài.

Bà Hoàng Thị Vân.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Trung Hiếu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Ngô Hoàng Phương Đại – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 5 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1070/2024/TLST-DS ngày 17 tháng 12 năm 2024 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 240/2025/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 3 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 225/2025/QĐST-DS ngày 14 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Ngân hàng Thương mại Cổ phần S.

Trụ sở: Đường N, phường V, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Gia T; địa chỉ: Đường N, phường V, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền ngày 02/10/2024) (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. **Bị đơn:** Ông Võ Văn T1 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 18/11/2024 và lời khai của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn – ông Trần Gia T thì:

Ngày 07/9/2017, ông Võ Văn T1 ký với Ngân hàng Thương mại Cổ phần S Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng, Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (sau đây gọi chung là Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 07/9/2017). Căn cứ vào thu nhập của ông T1, ngày 25/9/2017, Ngân hàng Thương mại Cổ phần S đã đồng ý cấp cho ông T1 thẻ tín dụng Visa số 472074-0942 với hạn mức sử dụng là 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng), mục đích tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông T1 đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 1.173.976.996đ (một tỷ một trăm bảy mươi ba triệu chín trăm bảy mươi sáu nghìn chín trăm chín mươi sáu đồng).

Trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng, từ ngày kích hoạt thẻ đến thời điểm chuyển nợ quá hạn ông T1 đã thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền 1.173.400.515đ (một tỷ một trăm bảy mươi ba triệu bốn trăm nghìn năm trăm mười lăm đồng), thứ tự thanh toán áp dụng theo Điều 20 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S.

Do ông T1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S), Ngân hàng Thương mại Cổ phần S đã nhiều lần nhắc nhở nhưng ông T1 không có thiện chí trả nợ nên ngày 01/9/2022 Ngân hàng Thương mại Cổ phần S đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của ông T1 và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu tại thời điểm này là 35.346.704đ (ba mươi lăm triệu ba trăm bốn mươi sáu nghìn bảy trăm lẻ bốn đồng) sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S) và áp dụng lãi suất nợ quá hạn tính trên nợ gốc – số nợ quá hạn nêu trên (bằng 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn 2.6%) là 3.9%/tháng.

Sau đó, vào tháng 9/2022, ông T1 thanh toán thêm cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng).

Tính đến ngày 07/5/2025, ông T1 còn nợ Ngân hàng Thương mại Cổ phần S các khoản sau: Nợ gốc là 20.346.704đ (hai mươi triệu ba trăm bốn mươi sáu nghìn bảy trăm lẻ bốn đồng), lãi quá hạn là 26.467.980đ (hai mươi sáu triệu bốn trăm sáu mươi bảy nghìn chín trăm tám mươi đồng), tổng cộng là 46.814.684đ (bốn mươi sáu triệu tám trăm mười bốn nghìn sáu trăm tám mươi bốn đồng).

Do đó, Ngân hàng Thương mại Cổ phần S khởi kiện yêu cầu ông T1 phải thanh toán ngay cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S tổng số tiền còn thiếu của Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 07/9/2017 tính đến ngày 07/5/2025 là 46.814.684đ (bốn mươi sáu triệu tám trăm mười bốn nghìn sáu trăm tám mươi bốn đồng), gồm nợ gốc là 20.346.704đ (hai mươi triệu ba trăm bốn mươi sáu nghìn bảy trăm lẻ bốn

đồng), lãi quá hạn là 26.467.980đ (hai mươi sáu triệu bốn trăm sáu mươi bảy nghìn chín trăm tám mươi đồng) và có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 08/5/2025 cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi quy định tại Hợp đồng.

Bị đơn – ông Võ Văn T1 đã được Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, không có văn bản trình bày ý kiến.

Theo kết quả xác minh của Công an xã B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh tại Công văn số 4541/TAHBC ngày 18/12/2024 của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh về việc xác minh tình trạng cư trú của bị đơn thì tại địa chỉ Ấp A, xã B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh không có nhân khẩu tên Võ Văn T1, sinh năm: 1963 cư trú và không thực tế cư trú.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn – ông Trần Gia T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt Ông.

Bị đơn – ông Võ Văn T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do.

Kiểm sát viên phát biểu:

Về tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Thời hạn chuẩn bị xét xử đảm bảo theo quy định tại khoản 1 Điều 196; khoản 1 Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định tại Điều 70; Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn không thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70; Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S. Về án phí: Ông T1 phải chịu án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngân hàng Thương mại Cổ phần S khởi kiện yêu cầu ông Võ Văn T1 trả số tiền còn nợ của Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 07/9/2017. Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 07/9/2017 thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần S đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của ông T1 theo địa chỉ được ghi trong hợp đồng bằng văn bản nên được coi là “đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở” theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 192 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a, khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/05/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản

3 điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự số 92/2015/QH13 về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án. Căn cứ kết quả xác minh của Công an xã B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh tại Công văn số 4541/TAHBC ngày 18/12/2024 của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh về việc xác minh tình trạng cư trú của bị đơn thì ông T1 đã thay đổi nơi cư trú gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong hợp đồng mà không thông báo cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S biết về nơi cư trú mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật dân sự năm 2015 nên được coi là cố tình giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ đối với Ngân hàng Thương mại Cổ phần S. Do đó, căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a, khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/05/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì quan hệ tranh chấp trong vụ án là “Tranh chấp về hợp đồng tín dụng” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về thủ tục xét xử vắng mặt đương sự: Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn – ông Trần Gia T vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn – ông T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt họ.

[3] Về nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] Về yêu cầu bị đơn thanh toán nợ gốc:

[3.1.1] Căn cứ Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 25/9/2017 (gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 25/9/2017, Bản điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S) có chữ ký xác nhận của ông Võ Văn T1 và đại diện Ngân hàng Thương mại Cổ phần S nên có cơ sở xác định ngày 25/9/2017 Ngân hàng Thương mại Cổ phần S đã cấp thẻ tín dụng cho ông T1 với hạn mức sử dụng là 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng), mục đích để tiêu dùng cá nhân. Việc giao kết Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 25/9/2017 giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần S và ông T1 là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên đã phát sinh hiệu lực.

[3.1.2] Căn cứ Bảng tóm tắt sao kê ngày 07/5/2025 thì trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông T1 đã thực hiện các giao dịch tính đến ngày 07/5/2025 với tổng số tiền là 1.173.976.996đ (một tỷ một trăm bảy mươi ba triệu chín trăm bảy mươi sáu nghìn chín trăm chín mươi sáu đồng), phí trễ hạn là 1.151.021đ (một triệu một trăm năm mươi một nghìn không trăm hai mươi một đồng), lãi là 42.123.770đ (bốn mươi hai triệu một trăm hai mươi ba nghìn bảy trăm bảy mươi đồng), phí là 1.799.568đ (một triệu bảy trăm chín mươi chín nghìn năm trăm sáu mươi tám đồng). Ông T1 đã thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền là 1.173.400.515đ (một tỷ một trăm bảy mươi ba triệu bốn trăm nghìn năm trăm mười lăm đồng). Sau khi trừ các khoản phải thanh toán theo thứ tự thanh toán được quy định tại Điều 20 Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S lần lượt là: Các khoản phí và/hoặc lãi của

kỳ trước, giao dịch rút tiền mặt của kỳ trước, giao dịch mua hàng hóa của kỳ trước, các khoản phí và/hoặc lãi trong kỳ, giao dịch rút tiền mặt trong kỳ, giao dịch mua hàng hóa trong kỳ thì số tiền ông T1 còn nợ tính đến ngày 01/9/2022 là 35.346.704đ (ba mươi lăm triệu ba trăm bốn mươi sáu nghìn bảy trăm lẻ bốn đồng). Do ông T1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 01/9/2022, Ngân hàng Thương mại Cổ phần S đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của ông T1 và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu 35.346.704đ (ba mươi lăm triệu ba trăm bốn mươi sáu nghìn bảy trăm lẻ bốn đồng) sang nợ quá hạn là phù hợp với thỏa thuận của các bên tại Điều 23 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S và quy định tại Điều 280 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2017. Căn cứ Bảng tóm tắt sao kê ngày 07/5/2025 và xác nhận của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn – ông Trần Gia T thì sau khi Ngân hàng Thương mại Cổ phần S chuyển toàn bộ dư nợ sang nợ quá hạn, ông T1 đã thanh toán được thêm 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng) cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S vào ngày 30/9/2022 nên được trừ vào số nợ gốc (nợ quá hạn đã chuyển) là phù hợp với thỏa thuận của các bên tại Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 25/9/2017. Như vậy, có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S, buộc ông T1 có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền nợ gốc còn lại là 20.346.704đ (hai mươi triệu ba trăm bốn mươi sáu nghìn bảy trăm lẻ bốn đồng).

[3.2] Về yêu cầu bị đơn thanh toán nợ lãi: Căn cứ Quyết định số 2399/2019/QĐ-TTT ngày 06/8/2019 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S về việc ban hành biểu phí sản phẩm dịch vụ Thẻ Sacombank phát hành tại Việt Nam; mục 1.31 phần giải thích thuật ngữ và Điều 22 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S thì mức lãi suất trong hạn được áp dụng đối với Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 25/9/2017 là 2.6%/tháng. Mục 1.31 phần giải thích thuật ngữ và Điều 23 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S quy định lãi suất quá hạn là 150% lãi suất được áp dụng, tương đương 3.9%/tháng (2.6%/tháng x 150%). Ngân hàng Thương mại Cổ phần S đã chuyển số nợ gốc chưa thanh toán là 35.346.704đ (ba mươi lăm triệu ba trăm bốn mươi sáu nghìn bảy trăm lẻ bốn đồng) sang nợ quá hạn từ ngày 01/9/2022 và đến ngày 30/9/2022, số nợ gốc chưa thanh toán còn lại là 20.346.704đ (hai mươi triệu ba trăm bốn mươi sáu nghìn bảy trăm lẻ bốn đồng), áp dụng mức lãi suất 3.9%/tháng được tính trên số nợ gốc tương ứng với thời gian vi phạm nghĩa vụ thì số nợ lãi quá hạn tính đến ngày 07/5/2025 là 26.467.980đ (hai mươi sáu triệu bốn trăm sáu mươi bảy nghìn chín trăm tám mươi đồng) là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[3.3] Về trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ dân sự: Ngân hàng Thương mại Cổ phần S chỉ yêu cầu ông T1 có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ trả nợ, không yêu cầu ai cùng với ông T1 thực hiện nghĩa vụ dân sự nêu trên. Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện mục đích sử dụng khoản vay theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 25/9/2017 là tiêu dùng cá nhân; đồng thời, không có cơ sở

xác định ông T1 đã sử dụng số tiền vay để phục vụ nhu cầu chung với ai khác nên không có cơ sở để buộc ai phải cùng có trách nhiệm liên đới đối với khoản nợ của ông T1.

[4] Do đó, có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S, buộc ông T1 có trách nhiệm thanh toán số tiền còn nợ phát sinh theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 25/9/2017 tính đến ngày 07/5/2025 là 46.814.684đ (bốn mươi sáu triệu tám trăm mười bốn nghìn sáu trăm tám mươi bốn đồng), gồm nợ gốc là 20.346.704đ (hai mươi triệu ba trăm bốn mươi sáu nghìn bảy trăm lẻ bốn đồng), lãi quá hạn là 26.467.980đ (hai mươi sáu triệu bốn trăm sáu mươi bảy nghìn chín trăm tám mươi đồng) và tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh kể từ ngày 08/5/2025 theo mức lãi suất quy định trong hợp đồng đã giao kết cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, do Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S nên ông T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.340.734đ (hai triệu ba trăm bốn mươi nghìn bảy trăm ba mươi bốn đồng); Ngân hàng Thương mại Cổ phần S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 91; Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2017;

- Căn cứ vào Điều 280 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều các năm 2014, 2018, 2020, 2022, 2024,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S.

Buộc ông Võ Văn T1 có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S tổng số tiền còn nợ phát sinh theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 25/9/2017 tính đến ngày 07/5/2025 là 46.814.684đ (bốn mươi sáu triệu tám trăm mười bốn nghìn sáu trăm tám mươi bốn đồng), trong đó, nợ gốc là 20.346.704đ (hai mươi triệu ba trăm bốn mươi sáu nghìn bảy trăm lẻ bốn đồng) và lãi quá hạn là 26.467.980đ (hai mươi sáu triệu bốn trăm sáu mươi bảy nghìn chín trăm tám mươi đồng).

Kể từ ngày 08/5/2025 cho đến khi thi hành án xong, ông Võ Văn T1 còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng đã ký kết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Võ Văn T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.340.734đ (hai triệu ba trăm bốn mươi nghìn bảy trăm ba mươi bốn đồng).

Ngân hàng Thương mại Cổ phần S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 1.018.274 (một triệu không trăm mười tám nghìn hai trăm bảy mươi bốn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0051478 ngày 09 tháng 12 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều các năm 2014, 2018, 2020, 2022, 2024 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều các năm 2014, 2018, 2020; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại của Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều các năm 2014, 2018, 2020, 2022, 2024.

4. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm. Thời hạn kháng cáo là 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày đương sự được giao bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự (03);
- Lưu: HSVA, VT (15).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**



Lê Nguyễn Thanh Thùy